

Số: 05/BC-BKS

Hà Nội ngày 20 tháng 05 năm 2013

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM SOÁT NĂM 2012 CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2013  
Công ty cổ phần Đầu Tư Tài Chính, Thương mại Dịch vụ FICO**

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, được đại hội đồng cổ đông thông qua tháng 05/2007;
- Căn cứ vào Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO;
- Thực hiện chương trình kế hoạch kiểm soát năm 2012 của Ban kiểm soát Công ty.

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty những nội dung hoạt động của Ban liên quan đến công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 như sau.

### **PHẦN I CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát thực hiện chức năng thay mặt Cổ đông giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong các hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính... phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty. Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc sau:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD: giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Ban Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và bộ phận kế toán.
- Phối hợp với các Phòng chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Kết hợp cùng với Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Việt Nam (đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty)

để thực hiện kiểm tra công tác kế toán, kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

- Từ tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, BKS đã đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong một số nội dung sau:
  - + Đề nghị về việc thực hiện công tác thu hồi công nợ.
  - + Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
  - + Kiểm soát chi phí của Công ty, về lao động, thu nhập của người lao động.

## PHẦN II KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM SOÁT NĂM 2012

### **I. Kết quả thực hiện việc kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng trị, Ban Giám đốc liên quan đến công tác điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty:**

#### *1.1. Kết quả giám sát đối với hoạt động của HĐQT*

Trong năm 2012, HĐQT Công ty đã tổ chức họp và thông qua các Nghị quyết về công tác tổ chức nhân sự và hoạt động quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 30/05/2012 về việc bầu và bổ nhiệm các chức danh quản lý của Công ty gồm: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 20/07/2012 về việc Thông qua chủ trương chấm dứt thực hiện Dự án khu chức năng đô thị Ao Sào và rút vốn khỏi Quỹ đầu tư con hổ Việt Nam (Tiger Fund).
- Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 29/08/2012 về việc Thông qua chủ trương về việc chấm dứt thực hiện một số Dự án, thanh lý các Hợp đồng hợp tác đầu tư các dự án Khu chức năng đô thị Ao Sào, Dự án Trường học và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thanh lý Hợp đồng và xin rút vốn khỏi Quỹ đầu tư con hổ Việt Nam (Tiger Fund).
- Ngoài ra, xác định trọng tâm công tác hoạt động quản trị điều hành của HĐQT trong năm 2012 là định hướng lại các dự án đầu tư của Công ty, xem xét thoái vốn hoặc rút vốn ở một số dự án chậm tiến độ, hiệu quả kinh tế thấp và tập trung công tác thu hồi công nợ của Công ty. Trong năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty có một số hoạt động tham gia trực tiếp vào công tác điều hành của Công ty như: làm các văn bản trao đổi trực tiếp với phía đối tác, tham gia các buổi làm việc để bàn phương án tháo gỡ khó khăn, thu hồi vốn...

Nhìn chung các biên bản họp HĐQT công ty đảm bảo tính hợp pháp, thể hiện được vai trò trong các công tác điều hành cũng như định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên số lượng các nghị quyết không nhiều, trọng tâm định hướng chỉ đạo của HĐQT mới chỉ dừng lại ở việc giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong hoạt động sản

xuất kinh doanh của Công ty chưa đi vào các nội dung tìm hướng phát triển mới, thay đổi có tính chất chiến lược tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

### 1.2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm 2012, hoạt động điều hành Ban giám đốc về cơ bản bám sát theo nội dung chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị. Trong điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ, tín dụng và cắt giảm đầu tư công của Nhà nước buộc các doanh nghiệp chịu sức ép. Đối với Công ty của chúng ta với đặc thù là một doanh nghiệp đầu tư Bất động sản, đầu tư tài chính lại càng chịu sức ép lớn hơn. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua của Công ty đạt kết quả tương đối khả quan theo các chỉ tiêu của Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2012 đề ra, một số chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể chúng tôi sẽ phân tích ở phần phân tích tình hình sử dụng vốn, tài sản và sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của Công ty dưới đây.

## II. Kiểm soát tình hình sử dụng vốn, tài sản và sự tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh của công ty như sau:

### 2.1 Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán đến ngày 31/12/2012 :

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2012 ( SAU KIỂM TOÁN)

#### PHẦN A - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	100		181.640.929.818	161.836.487.222
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	830.854.546	2.214.948.768
1. Tiền				
2. Các khoản tương đương tiền				
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		830.854.546	2.214.948.768
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		172.706.168.517	148.980.792.036
1. Phải thu khách hàng	131		36.613.747.778	
2. Trả trước cho người bán	132		29.523.374.454	37.976.971.446
3. Phải thu nội ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch H.Đồng	134			

xây dựng				
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	106.569.046.285	111.003.820.590
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.254.266.641</b>	<b>2.254.266.641</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03	2.254.266.641	2.254.266.641
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.849.640.114</b>	<b>8.386.479.777</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			78.842.755
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		455.158.346	316.678.737
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	621.242.520	621.242.520
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.773.239.248	7.369.715.745
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.640.625.651</b>	<b>13.784.595.056</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.158.405.651</b>	<b>2.532.759.727</b>
1. Tài sản cố định Hữu hình	221	V.05	2.158.405.651	2.532.759.727
- Nguyên giá	222		3.561.851.040	3.561.851.040
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.403.445.389)	(1.029.091.313)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	241		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>(III.05)</b>	<b>4.482.220.000</b>	<b>10.890.220.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào c.ty liên kết liên doanh	252			
3. Đầu tư tài chính dài hạn	258	V.06	4.482.220.000	19.032.220.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.07		(8.142.000.000)

<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			<b>361.615.329</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08		361.615.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>188.281.555.469</b>	<b>175.621.082.278</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>126.039.333.393</b>	<b>115.276.213.116</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>126.039.333.393</b>	<b>115.276.213.116</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	597.508.100	2.666.550.000
2. Phải trả cho người bán	312		35.012.896.586	
3. Người mua trả tiền trước	313		50.335.000.000	68.093.805.650
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	215.217.248	130.940.374
5. Phải trả người lao động	315		-	1.525.351.255
6. Chi phí phải trả	316	V.11	-	12.134.150.440
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	38.638.904.689	28.999.114.718
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.239.806.770	1.726.300.679
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>62.242.222.076</b>	<b>60.344.869.162</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>62.242.222.076</b>	<b>60.344.869.162</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.120.000.000	55.120.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	125.748.046
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.390.461.307	1.390.461.307
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		952.659.809	870.230.654
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.779.100.960	2.838.429.155
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>188.281.555.469</b>	<b>175.621.082.278</b>

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2012, kết thúc 31/12/2012 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.
- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

### PHẦN B - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	50.961.893.116	1.390.186.727
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		50.961.893.116	1.390.186.727
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	50.756.928.854	1.233.187.302
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		204.964.262	156.999.425
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	9.278.794.527	16.208.006.097
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	(970.046.501)	5.034.733.321
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		672.082.083	2.091.072.833
8.	Chi phí bán hàng	24		661.615.329	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.007.263.936	9.423.286.046
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		4.784.926.025	1.906.986.155
11.	Thu nhập khác	31		-	622.668.182
12.	Chi phí khác	32		5.825.065	580.284.987
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		(5.825.065)	42.383.195
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		4.779.100.960	1.949.369.350
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-

17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.779.100.960	1.949.369.350
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.05	867	354

### PHẦN C – CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2012

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực tế	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	<b>Doanh thu</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>60.240.687.643</b>	<b>126</b>
	- Đầu tư dự án	18.000.000.000	9.000.000.000	50
	- Kinh doanh XNK	30.000.000.000	50.961.893.116	170
	- Khác		278.794.527	
2	<b>Giá trị sản xuất</b>	<b>19.500.000.000</b>	<b>9.204.964.262</b>	<b>47,2</b>
3	<b>Tổng chi phí</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>55.461.586.683</b>	<b>139</b>
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>4.779.100.960</b>	<b>60</b>
5	<b>Cổ tức</b>	<b>10%</b>	<b>6%</b>	

#### Nhận xét:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012 một số chỉ tiêu đã hoàn thành kế hoạch được thông qua Đại hội cổ đông.

- Doanh thu đã vượt chỉ tiêu kế hoạch 126%, trong đó doanh thu từ đầu tư dự án đạt 50%, kinh doanh xuất nhập khẩu đạt 170% kế hoạch.
- Giá trị sản xuất đạt 9.2 tỷ đồng tương ứng được 47,2% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt gần 4,8 tỷ đồng tăng 245% so với năm 2011 (năm 2011 lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 1,9 tỷ đồng) tuy nhiên cũng mới đáp ứng được 60% kế hoạch đặt ra năm 2012 về chỉ tiêu lợi nhuận.
- Trong năm 2012 công ty đã cắt giảm tiền lương và một số khoản chi phí nên chi phí quản lý năm 2012 chỉ còn 5 tỷ đồng, năm 2011 là gần 9.5 tỷ đồng (giảm 47% so với năm 2011).
- Để giảm thiểu chi phí quản lý trong năm công ty đã cắt giảm tiền lương đồng thời cho cán bộ công nhân viên nghỉ luân phiên để hạn chế chi phí.
- Dự kiến mức cổ tức năm 2012 là 06% cao hơn mức cổ tức của năm 2011.

### PHẦN D: SO SÁNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm trước(%)	Năm nay (%)	Chênh lệch (%)
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
1.1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	7,849	3,527	(4,322)
1.2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	92,151	96,473	4,322
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			

2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	65,639	66,942	1,303
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	34,361	33,058	(1,303)
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
3.1	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Hn)	1,404	1,441	0,037
3.2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh(Hn)	1,384	1,423	0,039
3.3	Hệ số khả năng thanh toán tức thời (Hn)	0,019	0,007	(0,013)
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
4.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,110	2,538	1,428
4.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	140,224	9,378	(130,846)
4.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	3,230	7,678	4,448
4.4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ thực góp	3,537	8,670	5,134
<b>5</b>	<b>Hệ số bảo toàn vốn (H)</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>	

**Nhân xét:**

Trong năm 2012 tổng tài sản của công ty tăng 12.660.473.191đ tương đương 107% so với năm 2011.

Khả năng thanh toán hiện thời của công ty năm 2012 là:  $H_{ht}=1,441>1$  là tốt nếu công ty thu hồi được toàn bộ các khoản công nợ của cá nhân. Đây là nguyên nhân tiềm ẩn rủi ro về mất cân đối nguồn vốn vì khả năng thanh toán tức thời của công ty là rất thấp  $H_{tt}=0,007<0.5$ .

Vốn đầu tư của chủ sở hữu vẫn được bảo toàn (hệ số bảo toàn vốn đến 31/12/2012 đạt  $H=(188.281.555.469-126.039.333.393)/62.242.222.076 =1$ ) tuy nhiên phải đảm bảo thu hồi được các khoản công nợ.

Năm 2012 công ty có lãi.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản tăng 1,428% so với năm 2011.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 4,448% so với năm 2011.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ thực góp tăng 5,134% so với năm 2011.

Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần giảm 130,846%.

Tỷ suất sinh lời trên đồng vốn (ROE) = Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu=7,67% là thấp chứng tỏ công ty sử dụng chưa thực sự hiệu quả đồng vốn của cổ đông (7,67 đồng/100 đồng vốn).

Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA) = Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản = 2,54% là thấp chứng tỏ việc đầu tư dẫn đến lợi nhuận của công ty là thấp.

Chỉ tiêu hệ số nợ = Các khoản nợ phải trả /Tổng nguồn vốn = 67%, nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn =23%. Công ty chưa tự chủ về tài chính cao dẫn đến công ty dễ bị rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, khó huy động tiền vay để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 2.2 Các khoản công nợ phải thu, phải trả

### 2.2.1 Công nợ phải thu

\* Các khoản công nợ phải thu lớn của các cá nhân:

- Phòng hành chính tổng hợp	: 2.709.374.285 đ
- Sản Giao dịch Bất động sản	: 1.200.000.000 đ
- Phòng KDXNK	: 1.000.000.000 đ
- Phòng đầu tư dự án	: 93.461.960.000 đ
+ Dự án Hữu Hưng	: 3.675.500.000 đ
+ Dự án A7- Nam Trung Yên	: 86.216.460,000 đ
+ Dự án trường học	: 3.570.000.000 đ

Đây là các khoản tạm ứng cá nhân để thực hiện các công việc của Công ty, trong đó có khoản công nợ rất lớn của các cá nhân Phòng đầu tư dự án tạm ứng để thực hiện các Dự án tồn tại từ các năm trước hiện vẫn chưa giải quyết được.

\* Công nợ phải thu của các đối tác:

*Đối với công nợ của Viglacera:* theo biên bản làm việc ngày 25 tháng 7 năm 2011 giữa Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera và Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, tổng lợi nhuận từ dự án Tây Mỗ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 46/2007/HĐKT tính đến hết năm 2010 Công ty được hưởng là **56.918.108.335 đồng**. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng doanh thu của dự án nói trên được ghi nhận vào kết quả kinh doanh là **47 tỷ đồng**, trong đó, năm 2010 ghi nhận **23 tỷ đồng**, năm 2011 ghi nhận **15 tỷ đồng** và năm 2012 ghi nhận **9 tỷ đồng**. Tính đến ngày 31/12/2012 Viglacera còn nợ Công ty là **11.049.777.470 đồng** trên tổng doanh thu được ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

*Công nợ phải thu của Công ty Cơ khí Đóng tàu:* đến thời điểm 31/12/2012 là **35.579.747.778 đ** (Ba năm tỷ, năm trăm bảy chín triệu, bảy trăm bốn bảy nghìn, bảy trăm bảy tám đồng).

*Công nợ của Công ty TNHH một thành viên than Ưông Bí* là: **1.034.000.000 đ** (Một tỷ, ba mươi tư triệu đồng).

### 2.2.2 Công nợ phải trả

Đến ngày 31/12/2012, Công ty phải trả số tiền công ty nợ Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomim là: **12.581.126.439 đ.**

Trả đối tác Trung quốc nhập linh kiện tàu thủy là **35.012.896.586 đ.**

### **2.3. Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu đến thời điểm hiện tại là: **55,12 tỷ đồng.** Hiện công ty vẫn chưa huy động đủ vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **306 tỷ.** Điều này dẫn đến toàn bộ chi phí lãi vay bị loại ra khi xác định thuế TNDN phải nộp.

### **2.4. Tình hình thực hiện các dự án của công ty**

Đối với tổng thể các dự án các khoản đã chi để thực hiện dự án ghi nhận trên tài khoản 154.

<b>STT</b>	<b>Dự án</b>	<b>Số tiền trên TK154</b>
1	Dự án A7 Nam Trung Yên	157.500.000
2	Dự án Ao Sào	1.993.526.914
3	Dự án trường tiểu học Nam Trung Yên	103.239.727
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.254.266.641</b>

- Dự án khu chức năng đô thị Ao Sào: Dự án được cấp Chứng nhận đầu tư năm 2008, chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5, thời gian thực hiện Dự án là 5 năm kể từ ngày chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, đến nay Dự án mới đang ở trong giai đoạn đề bù giải phóng mặt bằng, bên cạnh đó Dự án còn gặp rất nhiều khó khăn về điều kiện thi công do không thỏa thuận được đường vào của Dự án. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã đề xuất phương án rút vốn khỏi Dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác để đầu tư vào dự án có hiệu quả cao hơn.

Ngày 05/09/2012, Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án khu chức năng đô thị Ao Sào với Công ty Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 theo đó Công ty Lũng Lô 5 sẽ thanh toán trả cho Công ty FICO là 49,194 tỷ đồng.

- Dự án Tây Mỗ đến nay về cơ bản đã hoàn tất hạng mục nhà ở thực hiện xong, hiện tại Công ty tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để triển khai các công trình dịch vụ và nhà ở cao tầng của Dự án. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn và sự suy giảm của thị trường bất động sản, hiện tại phía Chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn để triển khai các công việc tiếp theo. Về công tác thu hồi công nợ Dự án của Công ty hiện rất chậm do phía đối tác cũng gặp khó khăn về tài chính.

- Dự án A7 Nam Trung Yên: hiện tại Dự án đã hoàn tất việc cập nhật các chỉ tiêu quy hoạch điều chỉnh của Dự án vào quy hoạch chung tổng mặt bằng của tòa khu Nam Trung Yên và đang chờ UBND thành phố phê duyệt. Ngay sau khi Thành phố phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng chung toàn khu Công ty sẽ triển khai tiếp theo bước thỏa thuận phương án kiến trúc và các thủ tục tiếp theo của Dự án.

- Dự án trường tiểu học Cầu Giấy, đã hoàn tất thanh lý hợp đồng và chuyển trả số tiền tham gia góp vốn 8 tỷ đồng của Công ty TNHH Phúc Anh theo hợp đồng 68/TTHT/FICO-PA. Hiện tại Công ty đã thống nhất về chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác với Công ty Trans-am (đơn vị liên danh cùng thực hiện Dự án) để thu hồi khoản góp vốn của Công ty vào Dự án. Số dư tạm ứng cho Dự án này là 3,57 tỷ đồng vẫn chưa được giải quyết.

### 2.5 Tình hình thực hiện đầu tư ra ngoài công ty

STT	Tên công ty	Số tiền đã góp
1	Quỹ con hổ Việt Nam (Tiger Fun)	15.000.000.000
2	Công ty CP BĐS Sanny	4.032.220.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>19.032.220.000</b>

#### Nhận xét:

Từ năm 2007, Công ty thực hiện góp vốn vào quỹ đầu tư chứng khoán Con Hổ Việt Nam (Tiger Fund) 15 tỷ đồng tương ứng 1.500.000 ĐV. Trải qua một thời gian dài từ khi tham gia đầu tư vào quỹ, thị trường chứng khoán Việt nam vẫn rất âm ảm và Quỹ hoạt động không hiệu quả. Với đặc thù hoạt động là một quỹ đóng, theo điều lệ hoạt động của quỹ đến tháng 8/2012 hết thời hạn hoạt động của quỹ. Ngày 02/08/2012, Đại hội thành viên Quỹ Đầu tư chứng khoán con hổ Việt Nam (Tiger Fund) đã họp và ra nghị quyết về việc thoái vốn của các thành viên quỹ trong Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, sau đó Hội đồng quản trị đã nhất trí về chủ trương thoái vốn của Công ty. Trong năm 2012 công ty đã thu hồi được số vốn đầu tư và Quỹ con Hổ Việt Nam là: 8.059.699.780 đ.

Công ty CP BĐS Sanny trong năm 2012 hoạt động bắt đầu có lãi, theo báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty CP BĐS Sanny lãi 1,2 tỷ đồng, tuy nhiên đây chủ yếu là lãi tiền gửi, còn lỗ lũy kế của Công ty là 2.5 tỷ đồng nên Công ty dự kiến không chia cổ tức cho các cổ đông.

### 2.6 Tình hình lao động và thu nhập của người lao động

#### 2.6.1 Về lao động

Tổng số lao động năm 2012 là 36 người giảm 05 người so với năm 2011.

#### 2.6.2 Về thu nhập và tiền lương:

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2012 là: 36 người

Tổng quỹ lương đã trích 2012: 1.982.805.620 đ

Tổng tiền ăn công nghiệp cả năm : 239.166.297đ

Tiền lương bình quân trên cả năm : 4.589.828 đồng/người/tháng (giảm hơn 50% so với năm 2011).

### 2.7 Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Các loại thuế	Số dư đầu PN	Số phát sinh PN	Số đã nộp	Số còn PN
1- Thuế GTGT hàng nhập khẩu		4.564.382.885	4.476.640.770	87.742.115
2- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
3- Thuế xuất nhập khẩu		442.278.414	416.722.458	25.555.956
4- Thuế TNDN	-621.242.520			-621.242.520
5- Thuế TNCN	130.940.374	127.269.720	156.290.917	101.919.177
6- Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>-490.302.146</b>			

**Nhận xét:**

Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, Công ty còn nợ thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế xuất nhập khẩu là 113.298.071đ .

**2.8 Về hoạt động của chi nhánh công ty tại Hồ Chí Minh**

Chi nhánh tại Hồ Chí Minh lỗ lũy kế đến 31/12/2011 là 560.000.000đ và công nợ phải thu là 940.000.000đ. Hiện tại chi nhánh công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán thuế để giải thể theo quy định của pháp luật.

**PHẦN III  
CỦA KIẾN NGHỊ VỀ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Sớm có giải pháp huy động đủ vốn hoặc rút vốn điều lệ xuống bằng vốn thực góp nhằm tránh bị loại chi phí lãi vay khi xác định thuế TNDN. Về vấn đề này, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc giảm vốn điều lệ đối với một công ty cổ phần là vấn đề rất phức tạp. Phương án nhiều doanh nghiệp lựa chọn để thực hiện việc giảm vốn điều lệ là phương án tách công ty (trong đó: công ty bị tách sẽ đưa về đúng số vốn điều lệ đã góp và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty cũ; Công ty được tách sẽ có số điều lệ còn lại, sau đó tiến hành thủ tục giải thể Công ty được tách).
2. Tăng cường công tác hoàn thiện hồ sơ, thu hồi vốn để giảm thiểu công nợ.
3. Đối với các dự án
  - Dự án Tây Mỗ: Hội đồng quản trị Công ty cần phải có chủ trương định hướng, chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện công tác điều hành triển khai các bước tiếp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết, khẩn trương hoàn thiện thanh quyết toán dự án và thu hồi khoản lợi nhuận đã ghi nhận.
  - Dự án Ao Sào: Công ty đã có chủ trương chấm dứt thực hiện Dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cần phải chỉ đạo xây dựng phương án xử lý các khoản tham gia góp vốn của các cá nhân, đơn vị tham gia hợp tác. Khẩn trương hoàn thành thu hồi vốn đầu tư Dự án theo Thỏa thuận thanh lý Hợp đồng đã ký kết.

- Dự án A7 Nam Trung Yên: Ban Giám đốc Công ty khẩn trương chuẩn bị các phương án sau khi Thành phố phê duyệt chính thức Quy hoạch tổng mặt bằng khẩn trương triển khai các bước tiếp theo của Dự án. Tính đến thời điểm hiện tại, công tác tạm ứng đối với Dự án này là quá lớn, vì vậy đề nghị HĐQT và BGD phải có phương án để đảm thu hồi vốn cho Công ty.
- 4. Định hướng của công ty là kinh doanh vật tư thiết bị, kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính, để đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý đòi hỏi đội ngũ cán bộ viên chức phải có trình độ, phù hợp với nhu cầu thực tế về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ theo đúng ngành nghề công việc. Vì vậy công ty cần có hướng đào tạo nâng cao trình độ và luân chuyển cán bộ công nhân viên phù hợp.
- 5. Năm 2013 ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục xây dựng phương án định biên lại lao động theo đúng nhu cầu thực tế của Công ty. Hạn chế tình trạng nhân viên không có việc làm, hoặc làm việc không hiệu quả. Trường hợp người lao động không thể bố trí sắp xếp công việc, Công ty cần có chính sách để chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định pháp luật.
- 6. Đối với các chức danh quản lý, cần phải có cơ chế để phát huy tính tự chủ gắn liền với trách nhiệm vật chất và lợi ích gắn liền với cá nhân để hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn hoạt động của Công ty được hiệu quả và đảm bảo bảo toàn, phát triển vốn. Thực hiện khoán chi đến từng phòng ban nghiệp vụ và làm tốt công tác thanh quyết toán, các bộ phận hành chính, gián tiếp của công ty cần đưa ra các định hướng của công việc, đánh giá mức độ hoàn thành của công việc thông qua các định mức ban hành.
- 7. Ban kiểm soát đề nghị hội đồng quản trị, ban lãnh đạo công ty tích cực phát huy vai trò trách nhiệm hơn nữa để thúc đẩy phát triển công ty đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của HĐQT đề ra.

#### PHẦN IV

#### PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CỦA BAN NĂM 2013

1. Thực hiện kiểm soát theo chương trình đối với công ty theo kế hoạch kiểm soát năm 2013.
2. Đi sâu kiểm soát chi phí hiệu quả hoạt động của từng mảng hoạt động SXKD, đưa ra các kết luận rõ ràng cho từng hoạt động nhằm phát huy tính tự chủ của từng phòng ban công ty và chịu trách nhiệm từng cá nhân, tập thể và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đảm bảo kinh doanh có lãi đưa công ty phát triển bảo toàn vốn.
3. Báo cáo trung thực trước đại hội cổ đông về tình hình tài chính và hoạt động của công ty theo từng thời kỳ của năm 2013.
4. Tham gia cố vấn trong công tác quản lý và kiểm soát chi phí để mang lại hiệu quả cao hơn cho công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2012 và kế hoạch hoạt động năm 2013 của ban kiểm soát công ty cổ phần đầu tư tài chính thương mại dịch vụ Fico, trình đại hội cổ đông thường niên thông qua.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp

Xin trân trọng cảm ơn

Nơi nhận

- Thành viên HĐQT
- Các cổ đông chính thức dự ĐH
- Các UVBKS
- Lưu HCTH, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**



Hồ Sỹ Hiệp